

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ T
TỈNH L**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 29/6/2022

V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T
TỈNH L**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Tuấn Phan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Ngôn;

2. Bà Lê Thị Kim Uyên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Thúy Trang – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh L.

Ngày 29 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh L xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 164/2022/TLST- HNGĐ, ngày 07 tháng 6 năm 2022, về việc: “Ly hôn”.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 17/6/2022 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh L, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phan Thị K, sinh năm 1975; Địa chỉ: Số 203/42C, Quốc lộ X, khu phố Y, Phường Z, thành phố T, tỉnh L.

- Bị đơn: Ông Trần Văn B, sinh năm 1955; Địa chỉ: Số 203/42C, Quốc lộ X khu phố Y, Phường Z, thành phố T, tỉnh L.

(Bà Phan Thị K có mặt; ông Trần Văn B có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1/ Theo đơn khởi kiện và những lời trình bày tiếp theo của nguyên đơn, bà Phan Thị K, như sau:

Do quen biết nên bà và ông Trần Văn B về chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn và được UBND Phường Z, thành phố T cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 07/8/2013. Sau khi cưới vợ chồng sống tại nhà riêng của bà tại Phường 6, thành phố T. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng sau đó bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do hai vợ chồng đều có con riêng, ông B sống cùng mẹ con bà, ông B nhiều lần dọa đánh con riêng của bà và bà. Bà và con riêng luôn có tâm lý lo sợ, bất ổn. Ngoài ra, kinh tế trong gia đình do một mình bà lo liệu, ông B không phụ giúp bà về kinh tế trong gia đình. Từ nguyên nhân này dẫn đến đời sống hôn nhân không hạnh phúc. Do lo sợ bị ông B hành hung nên hiện tại bà không còn chung sống với ông B.

Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu ly hôn với ông Trần Văn B.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2/ Bị đơn, ông Trần Văn B, vắng mặt tại phiên tòa, tuy nhiên tại biên bản hòa giải ngày 17/6/2022 có ý kiến như sau:

Ông thống nhất với lời trình bày của bà Yến về thời gian chung sống, đăng ký kết hôn, quá trình chung sống. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do vợ chồng có những hiểu lầm nên có lời qua tiếng lại nhưng những nguyên nhân này không đáng dẫn đến ly hôn và ông không có hăm dọa đánh đập con riêng của bà Yến và bà Yến như bà Yến trình bày.

Nay bà Phan Thị K yêu cầu ly hôn ông không đồng ý ly hôn, vì ông vẫn còn thương vợ và hiện tại ông đã lớn tuổi, bị nhiều bệnh hiểm nghèo nên không thể sống một mình được.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và lời trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà Phan Thị K yêu cầu ly hôn với ông Trần Văn B. Do ông B đang cư trú tại Phường 6, thành phố T, tỉnh L nên đây là vụ án tranh chấp về ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của

Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh L theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Trần Văn B có đơn xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Phan Thị K và ông Trần Văn B chung sống vợ chồng từ năm 2013, trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn vào ngày 07/8/2013 tại Ủy ban nhân dân Phường 6, thành phố T, từ đó có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Yến và ông B là hôn nhân hợp pháp, nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ chồng. Bà Yến yêu cầu được ly hôn với ông B vì cho rằng vợ chồng không hợp nhau, ông B nhiều lần dọa đánh con riêng của bà và bà. Bà và con riêng luôn có tâm lý lo sợ, bất ổn. Ngoài ra, kinh tế trong gia đình do một mình bà lo liệu, ông B không phụ giúp bà về kinh tế trong gia đình. Ngược lại, ông B không đồng ý ly hôn vì cho rằng nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do vợ chồng có những hiểu lầm nên có lời qua tiếng lại nhưng những nguyên nhân này không đáng dẫn đến ly hôn và ông không có hăm dọa đánh đập con riêng của bà Yến và bà Yến. Xét thấy, ông B và bà Yến không còn chung sống với nhau từ tháng 5/2022 cho đến nay, từ khi vợ chồng không còn chung sống ông B không đến gặp bà Yến để vợ chồng cùng tìm ra tiếng nói chung nhằm giải quyết mâu thuẫn, ông B không đồng ý ly hôn nhưng lại không đưa ra phương cách để giúp vợ chồng quay về đoàn tụ, xây dựng lại hạnh phúc gia đình. Do đó, Hội đồng xét xử xác định tình trạng hôn nhân giữa bà Yến và ông B đã lâm vào trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Bà Yến yêu cầu được ly hôn là có lý do chính đáng nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Bà Phan Thị K và ông Trần Văn B xác định không có con chung.

[5] Về tài sản chung: Bà Phan Thị K và ông Trần Văn B tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về nợ chung: Bà Phan Thị K và ông Trần Văn B xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7] Về án phí: Bà Phan Thị K phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn và 300.000đ án phí về cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; Điều 35; 39; 147; 227, 228, 266, 271; 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 51; 56; 57, 58 của Luật hôn nhân gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Về hôn nhân: Cho bà Phan Thị K được ly hôn với ông Trần Văn B.

2/ Về án phí: Bà Phan Thị K phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn nhưng được khấu trừ 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0001639, ngày 07/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh L. Bà Phan Thị K đã thi hành xong án phí.

3/ Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh L;
- VKSND Tp T;
- CC THA DS Tp T;
- UBND Phường 6, Tp T;
- Các đương sự.
- Lưu./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Tuấn Phan